

Số: 42/BC-CTK

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Một năm 2022

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Hoạt động sản xuất nông nghiệp trong tháng được các địa phương tập trung vào thu hoạch cây màu vụ Đông, chuẩn bị gieo cấy lúa và cây màu vụ Xuân; chăm sóc, phát triển đàn gia súc, gia cầm.

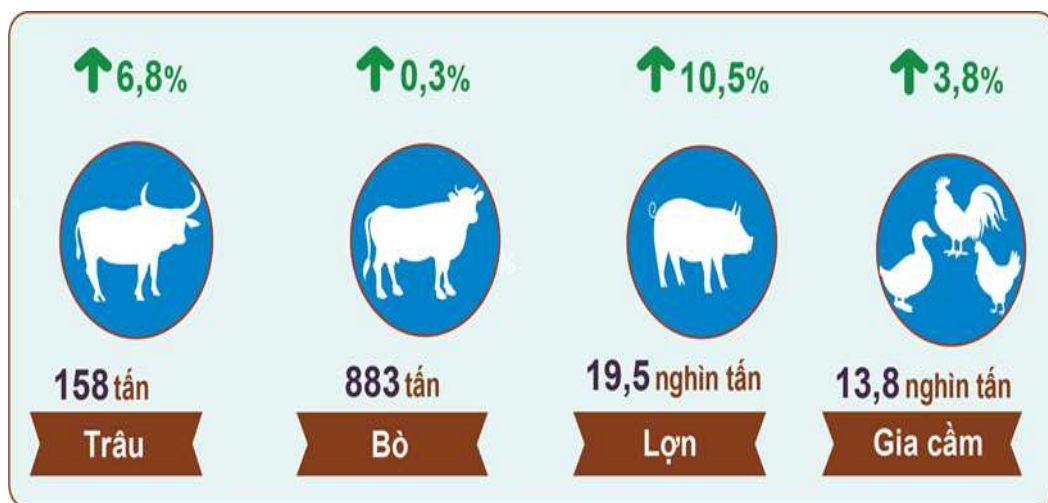
Vụ Đông năm nay, toàn Thành phố gieo trồng được 28,6 nghìn ha, tăng 1,4% so với vụ Đông năm trước do Thành phố mở rộng diện tích gieo trồng ngay từ đầu vụ, chủ yếu tập trung vào cây rau ngắn ngày để đảm bảo nguồn cung ứng lương thực, thực phẩm cho người dân trên địa bàn và các tỉnh lân cận yên tâm phòng, chống dịch Covid-19. Trong đó: Diện tích ngô đạt 6.586 ha, tăng 6,7% so với cùng kỳ; lạc 300 ha, tăng 33,3%; rau 14,3 nghìn ha, tăng 3,7%... Tính đến trung tuần tháng Một, Thành phố đã thu hoạch được 70% diện tích cây màu vụ Đông, trong đó: Thu hoạch ngô 4.242 ha, đạt 64,4% diện tích gieo trồng; khoai lang 292 ha, đạt 26,4%; đậu tương 744 ha, đạt 90,2%; lạc 63 ha, đạt 21%; rau 10,9 nghìn ha, đạt 76,1%.

Công tác chuẩn bị gieo cấy lúa vụ Xuân 2022 được các địa phương khẩn trương thực hiện nhằm đảm bảo đúng thời vụ; quản lý và chăm sóc tốt diện tích mạ đã gieo. Đồng thời, Thành phố tăng cường tuyên truyền, phổ biến lịch lấy nước giúp các hộ dân chủ động lấy nước đổ ải, làm đất, chuẩn bị gieo cấy. Tính đến ngày 25/01/2022, tổng diện tích có nước đổ ải lúa vụ Xuân 2022 trên địa bàn Thành phố thực hiện 56,7 nghìn ha, đạt 69,6% kế hoạch; diện tích làm đất 21,6 nghìn ha, đạt 26,5%; diện tích cấy 3.762 ha, đạt 4,6%.

Chăn nuôi trâu, bò trong tháng ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Đàn trâu hiện có 27,5 nghìn con, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 130,5 nghìn con, tăng 0,1%; sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng trong tháng ước tính đạt 158 tấn, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt bò đạt 883 tấn, tăng 0,3%. Chăn nuôi lợn đã có sự phục hồi, hoạt động tái đàn được quan tâm, tuy nhiên bệnh dịch tả lợn châu Phi tiếp tục xuất hiện tại một số địa phương đã gây ảnh hưởng đến việc đầu tư sản xuất và tái đàn của các cơ sở chăn nuôi

trên địa bàn¹. Đàn lợn hiện có 1,38 triệu con², tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2021; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 19,5 nghìn tấn, tăng 10,5%. Chăn nuôi gia cầm tiếp tục phát triển tốt, đàn gia cầm tương đối dồi dào, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân Thủ đô trong dịp Tết Nguyên đán. Đàn gia cầm hiện có 39,8 triệu con, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó đàn gà 27,1 triệu con, tăng 2,3%; sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng trong tháng ước đạt 13,8 nghìn tấn, tăng 3,8%; sản lượng trứng gia cầm 216 triệu quả, tăng 5,4%.

Sản lượng thịt gia súc, gia cầm xuất chuồng tháng Một năm 2022
(So với cùng kỳ năm trước)



1.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Hoạt động sản xuất lâm nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào công tác chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng, đồng thời chủ động tích cực chuẩn bị tổ chức tốt phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp Xuân Nhâm Dần ngay từ đầu năm 2022. Sản lượng gỗ khai thác trong tháng ước đạt 1,9 nghìn m³, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng củi khai thác đạt 49 ste, giảm 2%.

Sản lượng thủy sản tháng Một ước tính đạt 8,6 nghìn tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu là sản lượng cá), trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 8,5 nghìn tấn, tăng 2,9%; thủy sản khai thác đạt 50 tấn, giảm 3,8%.

2. Sản xuất công nghiệp

Do tháng Một năm nay có một số ngày làm việc trùng với lịch nghỉ Tết, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Một ước tính giảm 8,3% so với tháng trước, nhưng tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, công nghiệp chế

¹ Tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/01/2022, ổ dịch tại xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ chưa qua 21 ngày, đã tiêu hủy 09 con, trọng lượng 1.509 kg.

² Đàn lợn không bao gồm lợn sữa 1,19 triệu con, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước.

biến, chế tạo giảm 9,1% so với tháng trước và tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước; sản xuất và phân phối điện tăng 1,2% và tăng 4,5%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải giảm 1,7% và tăng 8,6%; khai khoáng giảm 28,1% và giảm 8,3%. Một số ngành có chỉ số IIP trong tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 53,1%; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 34,9%; dệt tăng 19,5%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 18,7%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 14,8%; công nghiệp chế biến chế tạo khác tăng 20,1%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ: Sản xuất da và các sản phẩm liên quan giảm 34,5%; thuốc, hoá dược và dược liệu giảm 29,9%; kim loại giảm 27,5%; sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 19,9%; hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 10,9%; đồ uống giảm 10,7%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Một năm 2021
(So với cùng kỳ năm trước)



Một số sản phẩm công nghiệp trong tháng tiếp tục tăng so với tháng trước và tăng so với cùng kỳ năm trước như: Thiết bị dùng cho động cơ tăng 10,8% và tăng 9,1%; xe vận tải hàng hóa (trọng tải dưới 5 tấn) tăng 13,3% và tăng 12,2%; áo sơ mi dệt kim tăng 30% và tăng 11,9%; phân bón cây trồng tăng 85,3% và tăng 20,2%.

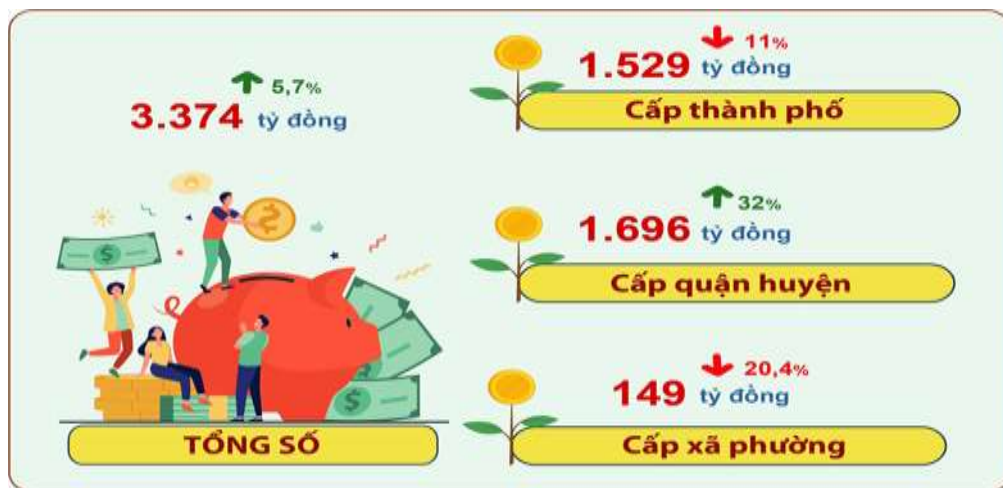
Lao động đang làm việc trong ngành công nghiệp thời điểm cuối tháng Một năm 2022 tăng 0,6% so với tháng trước và giảm 1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lao động đang làm việc trong ngành khai khoáng tăng 0,6% và giảm 1,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,6% và giảm 2,1%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt bằng tháng trước và giảm 0,5%; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải bằng tháng trước và tăng 19,8%.

3. Đầu tư và đăng ký doanh nghiệp

3.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Một ước tính đạt 3.374 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 6,7% kế hoạch năm 2022. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp Thành phố thực hiện 1.529 tỷ đồng, giảm 11% và đạt 7,1%; vốn ngân sách Nhà nước cấp quận, huyện thực hiện 1.696 tỷ đồng, tăng 32% và đạt 6,2%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã, phường thực hiện 149 tỷ đồng, giảm 20,4% và đạt 9,3%. Đầu tư trong tháng Một chủ yếu thực hiện vốn của các công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2021 sang năm 2022. Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã tuân thủ thực hiện quy định việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; thực hiện nghiêm công tác giám sát, đánh giá dự án của chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, của cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư công. Yêu cầu các đơn vị tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân kế hoạch vốn được giao năm 2022 theo quy định của Luật Đầu tư công. Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giải ngân vốn.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước tháng Một năm 2022 (So với cùng kỳ năm trước)



Tình hình thực hiện một số dự án trọng điểm trên địa bàn Thành phố:

Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2: Khởi công tháng 1/2021 có tổng mức đầu tư hơn 2.500 tỷ đồng với tổng chiều dài 3,4 km. Thời điểm hiện tại, sau hơn một năm thi công tiến độ toàn dự án đạt gần 60%, bám sát kế hoạch và tiến độ đề ra. Dự kiến, năm 2023 dự án sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng, góp phần tăng cường lưu thông giữa hai bên bờ sông Hồng, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận tải đang tăng cao giữa trung tâm Thành phố với khu vực phía Bắc và Đông Bắc, từng bước hoàn chỉnh hạ tầng giao thông Đô thị.

Dự án hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3: Dự án khởi công tháng 10/2020 có tổng mức đầu tư hơn 700 tỷ đồng với tổng chiều dài 475m, trong đó hầm kín là 95m, hầm hở và gờ chắn dài 380m (mỗi bên dài 190m). Tiến độ toàn dự án đến nay đã cơ bản hoàn thành giai đoạn 1 (thi công và di chuyển các công trình ngầm), đang triển khai thi công các giai đoạn tiếp theo. Dự kiến, dự án sẽ hoàn thành vào quý IV năm nay. Sau khi hoàn thành và đưa vào sử dụng, dự án sẽ góp phần giảm ùn tắc giao thông tại nút giao theo hướng đường Lê Văn Lương - Tố Hữu.

3.2. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Trong tháng Một, thành phố Hà Nội có 25 dự án FDI được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký đạt 4,8 triệu USD. Bên cạnh đó, có 6 dự án được điều chỉnh tăng vốn đầu tư với số vốn bổ sung đạt 98,4 triệu USD; nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần 12 lượt, đạt gần 339 triệu USD (tăng đột biến do nhà đầu tư Nhật Bản góp vốn hơn 300 triệu USD vào Công ty kinh doanh bất động sản MV2 Việt Nam).

3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Một, Thành phố có 2.253 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 9% so với tháng cùng kỳ năm 2021; vốn đăng ký mới đạt 20,2 nghìn tỷ đồng, giảm 5%; thực hiện thủ tục giải thể cho 296 doanh nghiệp, giảm 3%; 6.967 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 9%; 4.583 doanh nghiệp trở lại hoạt động, tăng 58%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, đảm bảo chất lượng và đúng hạn.

Tình hình doanh nghiệp tháng Một năm 2022 (So với cùng kỳ năm trước)

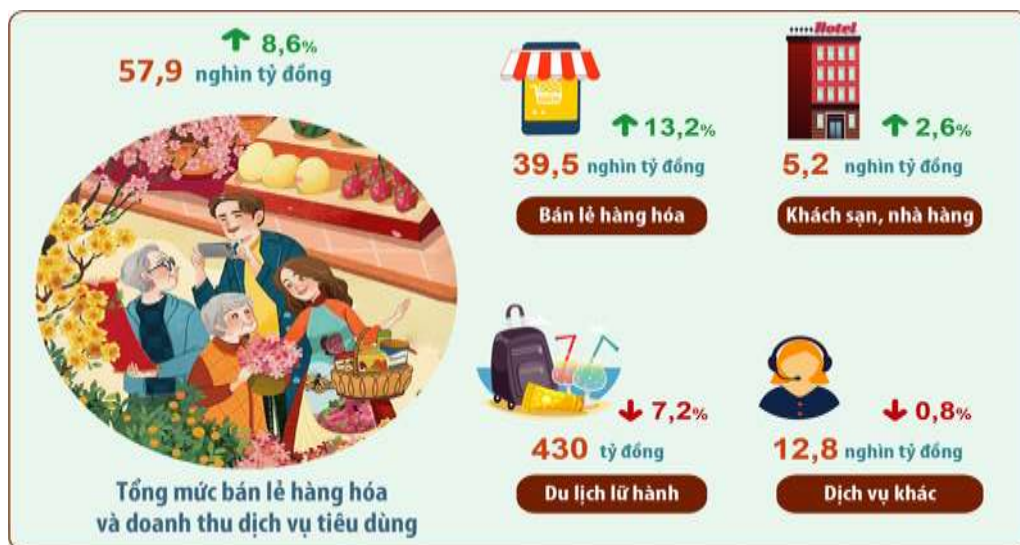


4. Thương mại, dịch vụ

4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng Một, thành phố Hà Nội cùng với cả nước tiếp tục thực hiện mục tiêu thích ứng linh hoạt, an toàn với dịch bệnh, phục hồi và phát triển kinh tế. Doanh thu thương mại, dịch vụ đã có sự phục hồi mạnh từ cuối năm 2021, cùng với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa phục vụ Tết Nhâm Dần của người dân tăng cao nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Một ước tính đạt 57,9 nghìn tỷ đồng, tăng 7,4% so với tháng trước và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Chia theo ngành hoạt động: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 39,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,4% và tăng 13,2%, trong đó: Lương thực, thực phẩm tăng 9,9% và tăng 20,2%; đồ dùng dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 5,3% và tăng 13,3%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 3,7% và tăng 12,9%; đá quý, kim loại quý tăng 2,2% và tăng 45,6%... Doanh thu khách sạn, nhà hàng đạt 5,2 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8% và tăng 2,6%; doanh thu du lịch, lữ hành đạt 430 tỷ đồng, tăng 2,2% và giảm 7,2%; doanh thu dịch vụ khác đạt 12,8 nghìn tỷ đồng, tăng 7% và giảm 0,8%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Một năm 2022 (So với cùng kỳ năm trước)



Tình hình chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán Nhâm Dần

Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức phục vụ Tết Nguyên đán Nhâm Dần, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của nhân dân Thủ đô trong dịp Tết, các doanh nghiệp đã xây dựng và tổ chức khai thác lượng hàng hóa thiết yếu phục vụ Tết tăng trung bình từ 7% - 15% so với kế hoạch Tết 2021. Ước tính tổng lượng hàng hoá dự trữ của hệ thống phân phối, bán lẻ trên địa bàn Thành phố phục vụ thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán trị giá khoảng 39 nghìn tỷ đồng, tương đương kế hoạch phục vụ hàng hóa

Tết năm 2021³. Hàng hóa trên thị trường khá đa dạng về mẫu mã, giá cả tương đối ổn định và đảm bảo chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm hàng hóa phục vụ người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, Thành phố chủ trì, phối hợp triển khai nhiều chương trình, sự kiện lớn nhằm kích cầu tiêu dùng như: Hội chợ hàng nông sản phục vụ Tết, các phiên chợ Tết vào cuối tuần tại các huyện; khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức bán hàng lưu động về ngoại thành, khu công nghiệp, khu chế xuất phục vụ nhân dân. Công tác tổ chức chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn được Thành phố đặc biệt quan tâm với 44 đơn vị sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã đăng ký tham gia Chương trình (30 đơn vị của Hà Nội, 14 đơn vị thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Bình, Thái Nguyên, Lâm Đồng, Điện Biên, Bắc Kạn, Nam Định, Bình Thuận), tổng lượng hàng hóa thực hiện đạt 18 nghìn tỷ đồng, đưa hàng hóa bình ổn tới hơn 20 nghìn điểm bán tại các siêu thị, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh, chợ truyền thống và khu công nghiệp.

Đến nay, Thành phố đã tổ chức bán hàng phục vụ Tết tại 28 trung tâm thương mại, 123 siêu thị, 449 chợ, trên 1.800 cửa hàng tiện ích, hàng chục nghìn cửa hàng tạp hóa trên địa bàn các quận, huyện, thị xã, thị trấn; 141 chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản an toàn, kết nối với 1.130 đầu mối, chuỗi, cơ sở cung ứng nông, lâm, thủy sản của 45 tỉnh, thành phố trên cả nước. Các kênh bán hàng đa phương tiện như bán hàng qua website, hotline, ứng dụng trực tuyến... với khoảng 35 doanh nghiệp và 565 địa điểm cung ứng hàng hóa thiết yếu bán hàng theo hình thức trực tuyến. Song song với việc chuẩn bị nguồn hàng phục vụ nhân dân trong dịp Tết, các doanh nghiệp tiếp tục duy trì, thực hiện Phương án đảm bảo nhu yếu phẩm thiết yếu đã xây dựng để sẵn sàng ứng phó với dịch Covid-19, đẩy mạnh bán hàng qua kênh trực tuyến, triển khai thanh toán điện tử, giao hàng tận nơi cho khách hàng và chủ động kết nối với các tỉnh, thành phố, sẵn sàng cung ứng đưa ngay hàng hóa về Hà Nội khi có nhu cầu sử dụng tăng đột biến.

4.2. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Một ước tính đạt 1.563 triệu USD, giảm 3,6% so với tháng trước và tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 866 triệu USD, giảm 2,4% và tăng 49,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 697 triệu USD, giảm 4,9% và tăng 16,2%. Trong tháng Một, các nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với

³ Số lượng hàng hóa chuẩn bị phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần gồm: Gạo 278,9 nghìn tấn; thịt lợn 57,8 nghìn tấn; thịt bò 16,1 nghìn tấn; thịt gia cầm 18,6 nghìn tấn; trứng gia cầm 372 triệu quả; rau, củ 309,9 nghìn tấn; thực phẩm chế biến 15,5 nghìn tấn; thủy hải sản 57,8 nghìn tấn; trái cây 156 nghìn tấn...

cùng kỳ năm trước: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện đạt 254 triệu USD, tăng 21,6%; hàng dệt, may đạt 237 triệu USD, tăng 54,1%; máy móc thiết bị, phụ tùng đạt 185 triệu USD, tăng 8,5%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 166 triệu USD, tăng 64,7%; hàng nông sản đạt 77 triệu USD, tăng 99,6%; gỗ và sản phẩm từ gỗ đạt 75 triệu USD, tăng 30,4%; xăng dầu đạt 73 triệu USD, gấp 2 lần cùng kỳ. Các nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Giày dép đạt 35 triệu USD, giảm 5,8%; thủy tinh đạt 35 triệu USD, giảm 0,4%; điện thoại và linh kiện đạt 8 triệu USD, giảm 81,4%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng Một năm 2022

(So với cùng kỳ năm trước)



Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Một ước tính đạt 3.498 triệu USD, giảm 0,4% so với tháng trước và tăng 29,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 2.842 triệu USD, tăng 3,2% và tăng 36,8%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 656 triệu USD, giảm 13,6% và tăng 4,9%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước: Máy móc thiết bị, phụ tùng đạt 599 triệu USD, tăng 25,3%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 315 triệu USD, tăng 62,9%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện đạt 312 triệu USD, tăng 40,9%; sắt thép đạt 160 triệu USD, tăng 49,5%; sản phẩm hóa chất đạt 132 triệu USD, tăng 99,6%; chất dẻo đạt 122 triệu USD, tăng 9,6%. Các nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ: Xăng dầu đạt 224 triệu USD, giảm 1%; ngô đạt 70 triệu USD, giảm 8,4%; hàng điện gia dụng và linh kiện đạt 55 triệu USD, giảm 18%.

4.3. Vận tải và bưu chính chuyển phát

Tháng Một là thời điểm gần sát Tết Nguyên đán nên nhu cầu vận tải và bưu chính chuyển phát tăng lên. Thời gian này, công tác phòng chống dịch Covid-19 và đảm bảo trật tự an toàn giao thông được Thành phố đặc biệt quan tâm. Thành phố sẵn sàng các phương án phục vụ tốt nhất nhu cầu đi lại của

người dân trong dịp Tết, trong đó: Các đơn vị vận tải hành khách liên tỉnh hợp đồng bố trí xe dự phòng, tăng cường để phục vụ kịp thời, đáp ứng khi cần thiết; Tổng công ty Đường sắt Việt Nam dự kiến tổ chức chạy thêm đôi tàu tuyến Hà Nội - Vinh, Hà Nội - Hải Phòng. Các hãng hàng không (Vietnam Airlines, Pacific Airlines, Bamboo Airways và Vietjet Air) mở bán vé máy bay Tết Nguyên đán 2022 với nhiều lựa chọn đa dạng về giá, giờ bay, tăng tần suất các chuyến bay Hà Nội đi các tỉnh, thành phố và ngược lại trong thời gian từ 16/01 đến 15/02/2022 (tức từ 14 tháng Chạp đến 15 tháng Giêng), đặc biệt là linh hoạt các điều kiện hoàn, đổi vé giúp hành khách chủ động lập kế hoạch, đảm bảo đặt được vé máy bay trong dịp cao điểm.

Vận tải hành khách: Trong tháng Một, số lượt hành khách vận chuyển ước tính đạt 12,9 triệu lượt hành khách, tăng 5,1% so với tháng trước và giảm 41,1% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 557 triệu lượt hành khách.km, tăng 5% và giảm 42,1%; doanh thu đạt 868 tỷ đồng, tăng 5,6% và giảm 41,9%.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Một ước tính đạt 91,2 triệu tấn, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 21,1% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 8.929 triệu tấn.km, tăng 1,1% và tăng 17%; doanh thu đạt 5.304 tỷ đồng, tăng 1,7% và tăng 16,8%.

Doanh thu hoạt động hỗ trợ vận tải tháng Một ước tính đạt 5.702 tỷ đồng, tăng 5,9% so với tháng trước và tăng 7,5% so với cùng kỳ. **Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát** tháng Một ước tính đạt 720 tỷ đồng, tăng 6,5% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động vận tải và bưu chính chuyển phát tháng Một năm 2022 (So với cùng kỳ năm trước)



4.4. Du lịch

Để thu hút du khách đến tham quan, tạo không khí vui tươi mừng năm mới, Ngành Du lịch Hà Nội đã có nhiều nỗ lực xây dựng các chương trình tour phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương nhằm thu hút du khách, trọng tâm là khách nội địa với nhiều dịch vụ có mức giá ưu đãi, kích cầu du lịch. Tổ chức Chương trình “Chào năm mới 2022” tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, các chương trình vui chơi tại Công viên Thiên đường Bảo Sơn; những điểm như vườn Nhãn Long Biên (quận Long Biên), vườn Quốc gia Ba Vì, Sơn Tinh Camp (huyện Ba Vì), núi Hàm Lợn - hồ Đồng Đò (Sóc Sơn), vườn hoa Bãi đá sông Hồng (Tây Hồ)...

Khách trong nước đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ) tháng Một ước tính đạt 126 nghìn lượt khách, tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước. *Khách quốc tế* (do cơ sở lưu trú phục vụ) tháng Một ước tính đạt 17 nghìn lượt khách, tăng 5,1% so với tháng trước và giảm 22,5% so với cùng kỳ năm trước.

5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Theo quy luật, những ngày sát Tết Nguyên đán nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tăng cao, thị trường giá cả các mặt hàng thường sẽ tăng mạnh. Tuy nhiên năm nay do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài, cùng với việc thành phố Hà Nội thực hiện nhiều giải pháp nhằm đảm bảo cung, cầu hàng hóa, bình ổn giá, ổn định thị trường nên nhìn chung giá cả các mặt hàng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm tại các hệ thống phân phối (chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi...) ổn định, không có hiện tượng tăng giá đột biến.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Một tăng nhẹ (tăng 0,1%) so với tháng trước và tăng 2,71% so với cùng kỳ năm trước. Tháng Một, có 8/11 nhóm hàng chỉ số giá tăng so với tháng trước, trong đó cao nhất là nhóm giao thông tăng 1,01% (tác động làm tăng CPI chung 0,1%) do giá xăng, dầu điều chỉnh tăng ngày 11/01 và ngày 21/01/2022 (xăng tăng 2,65%; dầu diesel tăng 2,81%). Tiếp theo là nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,68% (tác động làm tăng CPI chung 0,01%); văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,37% (tác động làm tăng CPI chung 0,02%); nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,14% (tác động làm tăng CPI chung 0,03%). Các nhóm có chỉ số giá tăng nhẹ và bằng tháng trước: May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,09%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,07%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,1%; giáo dục và bưu chính viễn thông giá bằng tháng trước. Riêng nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,24% (tác động làm giảm CPI chung 0,07%), trong đó thực phẩm giảm 0,42%.

Trong tháng Một năm nay, một số nhóm hàng có chỉ số CPI tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Nhóm giao thông tăng 13,44%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,27%; đồ uống và thuốc lá tăng 2,5%... Có 3/11 nhóm hàng CPI giảm so với cùng kỳ: Giáo dục giảm 3,4%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,85%; bưu chính, viễn thông giảm 0,43%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Một năm 2022



Chỉ số giá vàng tháng Một tăng 0,99% so với tháng trước và giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng Một giảm 0,26% so với tháng trước và giảm 1,19% so với cùng kỳ năm trước.

6. Tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán

6.1. Thu, chi ngân sách⁴

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tháng Một ước thực hiện 45,9 nghìn tỷ đồng, đạt 14,7% dự toán và tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu hơn 3 nghìn tỷ đồng, đạt 13,9% dự toán và tăng 70,2% so với cùng kỳ; thu nội địa là 42,8 nghìn tỷ đồng, đạt 14,8% dự toán và tăng 9%.

Một số lĩnh vực thu chủ yếu tháng Một năm 2022: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước ước thực hiện 5,5 nghìn tỷ đồng, đạt 9,5% dự toán pháp lệnh và bằng 62,9% cùng kỳ năm 2021; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 3,6 nghìn tỷ đồng, đạt 15,6% và bằng 72,5%; thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước 14,2 nghìn tỷ đồng, đạt 25,9% và tăng 41%; thuế thu nhập cá nhân 3,5 nghìn tỷ đồng, đạt 12,2% và tăng 4,1%; thu tiền sử dụng đất 1,3 nghìn tỷ đồng, đạt 6,3% và bằng 44,9%; lệ phí trước bạ 800 tỷ đồng, đạt 12,3% và tăng 13,6%; phí và lệ phí 2 nghìn tỷ đồng, đạt 11,9% và tăng 15,5%.

⁴ Theo báo cáo ngày 24/01/2022 của Sở Tài chính.

Chi ngân sách địa phương tháng Một ước thực hiện 5,3 nghìn tỷ đồng, đạt 4,9% dự toán đầu năm và tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi đầu tư phát triển 750 tỷ đồng, đạt 1,5% dự toán và bằng 90,2%; chi thường xuyên 4,3 nghìn tỷ đồng, đạt 8,2% và tăng 13,6%.

6.2. Tín dụng ngân hàng

Tình hình thực hiện lãi suất: Các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn thực hiện nghiêm quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất huy động tiền gửi bằng VND phổ biến ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,2-3,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,0-5,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,5-6,9%/năm.

Lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 5,5-7,5%/năm đối với ngắn hạn; 7,5-8,5%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) ở mức 4,3%/năm.

Hoạt động huy động vốn: Nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn tiếp tục tăng trưởng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cấp tín dụng và chấp hành các quy định của pháp luật về tỷ lệ an toàn giữa nguồn vốn huy động và nguồn vốn cho vay. Tính đến hết tháng Một, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn Thành phố ước tính đạt 4.290 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 11% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, tiền gửi đạt 3.902 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 11,2% so với cùng kỳ; phát hành giấy tờ có giá đạt 388 nghìn tỷ đồng, tăng 1,4% và tăng 8,6%.

Hoạt động tín dụng: Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh triển khai các biện pháp hỗ trợ cho khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, tạm thời giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay phù hợp quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và xem xét cho khách hàng vay vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến hết tháng Một, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đạt 2.506 nghìn tỷ đồng, tăng 1% so tháng trước và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó, dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 2.291 nghìn tỷ đồng, chiếm 91,4%, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2021, dư nợ ngắn hạn đạt 1.022 nghìn tỷ đồng, tăng 1,1% và tăng 15,1%; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 1.484 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% và tăng 12,1%. Hiện các TCTD tích cực nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro thông qua việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm nhằm phát hiện các khoản vay có vấn đề trước khi phát sinh tình trạng nợ xấu. Tính đến hết tháng Một, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chiếm 1,9% trong tổng dư nợ và 2,1% trong tổng dư nợ cho vay.

Tín dụng ngân hàng tính đến cuối tháng 01/2022
(So với thời điểm cuối năm 2021)



Tình hình thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19: Hệ thống ngân hàng và các TCTD duy trì bộ phận thường trực, đường dây nóng tiếp nhận các thông tin phản ánh của doanh nghiệp và người dân trên địa bàn, đồng thời chủ động xử lý khó khăn, vướng mắc và thông tin về chương trình, chính sách tín dụng, các giải pháp của ngành Ngân hàng tới doanh nghiệp và người dân. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Nội đã chỉ đạo các TCTD tích cực thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo các văn bản của Chính phủ, NHNN Việt Nam và UBND thành phố Hà Nội. Tiếp tục triển khai quyết liệt các chính sách, biện pháp cơ cấu lại nợ, giảm lãi suất cho vay, tạm thời giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay phù hợp quy định, xem xét cho khách hàng vay mới, vay vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh; giảm phí các dịch vụ thanh toán để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Đến cuối tháng Một, các TCTD trên địa bàn Thành phố đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 69,1 nghìn khách hàng với dư nợ 77,6 nghìn tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho 326,6 nghìn khách hàng với dư nợ 579,6 nghìn tỷ đồng; cho vay mới lãi suất ưu đãi với doanh số lũy kế từ 23/01/2020 đến nay đạt 2.497 nghìn tỷ đồng đối với hơn 191,7 nghìn lượt khách hàng.

6.3. Thị trường chứng khoán

Tính đến hết tháng Mười Hai năm 2021, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.237 doanh nghiệp niêm yết và đăng ký giao dịch, trong đó HNX có 345 doanh nghiệp và Upcom có 892 doanh nghiệp. Giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 522

nghìn tỷ đồng, bằng tháng trước và tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 130 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% và tăng 3,1%; Upcom đạt 392 nghìn tỷ đồng, giảm 0,5% và tăng 2,8%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng Mười Hai đạt 1.928 nghìn tỷ đồng, giảm 0,5% so với tháng trước và tăng 59% so với cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 510 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% và tăng 40,2%; Upcom đạt 1.418 nghìn tỷ đồng, giảm 2,3% và tăng 41,7%.

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Tháng Mười Hai khối lượng giao dịch đạt 2.965 triệu CP được chuyển nhượng, giảm 21,2% so với tháng trước và tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch đạt 81 nghìn tỷ đồng, giảm 17,2% và gấp 2,5 lần. Trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 2.751 triệu CP, giảm 22,4% và gấp 1,3 lần; giá trị đạt 75 nghìn tỷ đồng, giảm 17,7% và gấp 2,9 lần. Tính chung cả năm 2021, khối lượng giao dịch đạt 37 tỷ CP với giá trị chuyển nhượng đạt 791 nghìn tỷ đồng, gấp 2,4 lần về khối lượng và gấp 4,4 lần về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư (NĐT): Tháng Mười Hai, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp mới được 329 mã số giao dịch cho các NĐT nước ngoài (tổ chức 35 mã giao dịch; cá nhân 294 mã giao dịch). Số tài khoản giao dịch của các NĐT được cấp mới trong tháng Mười Hai gần 228 nghìn tài khoản.

7. Một số vấn đề xã hội

7.1. Công tác chuẩn bị Tết Nguyên đán

Công tác chuẩn bị Tết Nguyên đán Nhâm Dần được Thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện từ sớm nên nhìn chung việc tổ chức phục vụ Tết được đảm bảo, tạo không khí đón Xuân mới vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm với phương châm “Mọi người, mọi nhà đều có Tết”. Triển khai thực hiện trang trí hoa, cây cảnh trên các khu vực trung tâm Thành phố vào dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán. Đảm bảo công tác vệ sinh môi trường xanh, sạch, đẹp trên địa bàn, thu gom rác, phế thải tồn đọng tại khu dân cư, đường phố, thôn xóm và các điểm công cộng. Tổ chức triển khai thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao Kỷ niệm 92 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mừng Xuân mới Nhâm Dần 2022. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động văn hóa, du lịch, lễ hội trong dịp Tết. Thành phố thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin công cộng với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, giới thiệu những thành tựu kinh tế - xã hội, các sự kiện nổi bật của Thành phố năm

2021 và nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022; tạo sự đồng thuận trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và Thành phố.

Thành phố tăng cường bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội cho nhân dân vui Tết. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, các địa điểm lễ hội, vui chơi giải trí, những nơi tập trung đông người. Phát động đợt cao điểm ra quân tập trung phòng, chống tội phạm và xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, tàng trữ, buôn bán, đốt pháo nổ trái phép. Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh công tác phòng cháy chữa cháy.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm dịp Tết cũng được đặc biệt quan tâm. Thành phố đẩy mạnh các biện pháp kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn bán hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc, vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường lực lượng phục vụ thủ tục hải quan, thông quan hàng hóa, phối hợp các ngành liên quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối, thuận lợi cho khách quốc tế, Việt kiều đến sân bay Nội Bài trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, chống buôn lậu và gian lận thương mại, phối hợp phòng chống lây lan dịch bệnh từ khách quốc tế vào nội địa thông qua cảng hàng không.

7.2. Giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội

Giải quyết việc làm: Tháng Một, Thành phố đã giải quyết việc làm cho gần 12,6 nghìn lao động, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm 2021 (trong đó Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội cho đối tượng nghèo, đối tượng chính sách xã hội vay với tổng số tiền là 119 tỷ đồng, giúp tạo việc làm cho gần 2,2 nghìn lao động). Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội đã tổ chức thành công 21 phiên giao dịch việc làm với 557 đơn vị, doanh nghiệp tham gia và 3.113 lao động được phỏng vấn, kết quả có 1.378 người được tuyển dụng sau khi kết thúc phiên giao dịch.

Bảo đảm an sinh xã hội: Trong tháng, Thành phố tập trung rà soát tình hình đời sống của các đối tượng chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện hỗ trợ Tết Nguyên đán, không để người dân bị thiếu đói, đảm bảo mọi người dân được vui Tết, đón Xuân no ấm. Thành phố thực hiện tốt việc chăm lo, thăm hỏi, chúc Tết các đối tượng chính sách, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ lão thành cách mạng...; tổ chức tốt thăm hỏi, tặng quà cho người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người khuyết tật được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội. Tính đến ngày 25/01/2022, Thành phố đã trao tặng hơn 1.853 nghìn suất quà cho các đối tượng chính sách ưu đãi người có công; người nghèo, đối tượng bảo trợ xã

hội; người cao tuổi; cán bộ nghỉ hưu, mất sức, người lao động có hoàn cảnh khó khăn; các tổ chức, gia đình, cá nhân tiêu biểu; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt... với tổng kinh phí gần 691,3 tỷ đồng, trong đó gần 95 nghìn suất quà từ nguồn vận động xã hội hóa, trị giá 31,9 tỷ đồng. Cùng với quà Tết Nguyên đán Nhâm Dần, Thành phố đã chi trả trợ cấp tháng Một và tháng Hai năm 2022 cho 83,2 nghìn người đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng với số tiền 350 tỷ đồng; trên 196 nghìn đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng cũng được nhận trợ cấp theo quy định. Ngoài ra, các cấp công đoàn, các Khu công nghiệp và chế xuất, các doanh nghiệp đã tặng hơn 625 nghìn suất quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 196,1 tỷ đồng.

7.3. Công tác phòng, chống dịch bệnh

Dịch Covid-19 trên địa bàn Hà Nội vẫn diễn biến phức tạp, số ca mắc mới trong cộng đồng tăng cao, đây cũng là thời điểm sát Tết Nguyên đán nên nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa gia tăng tiềm ẩn nguy cơ dịch bệnh còn diễn biến phức tạp. Để thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong đợt cao điểm từ nay đến Tết Nguyên đán Nhâm Dần, Thành phố yêu cầu các Sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành phố về phòng, chống dịch Covid-19, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán. Đặc biệt, tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo thông điệp “5K”. Thành phố xây dựng và triển khai các phương án, kịch bản chống dịch cụ thể, bảo đảm xử lý kịp thời các tình huống dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Công an thành phố Hà Nội tiếp tục chỉ đạo lực lượng trong toàn ngành chủ động phối hợp các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ người nhập cảnh, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm các trường hợp nhập cảnh trái phép và trường hợp vi phạm công tác phòng, chống dịch Covid-19; tổ chức điều trị tại bệnh viện, cơ sở thu dung và hỗ trợ người bệnh điều trị tại nhà vẫn đang được Ngành Y tế thực hiện và phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người dân, chủ động triển khai kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với tình hình thực tế.

Trong đợt dịch thứ 4, tính từ ngày 27/4/2021 đến 18h ngày 24/01/2022, trên địa bàn thành phố Hà Nội ghi nhận 114,9 nghìn ca mắc Covid-19⁵, trong đó 114,5 ca trên địa bàn; 154 ca nhập cảnh; 213 ca mắc tại các bệnh viện trước ngày 30/9/2021; số người tử vong do Covid-19 là 487 người. Tính chung cả đợt dịch, Hà Nội ghi nhận 115,2 nghìn ca mắc Covid-19, trong đó 114,7 ca trên địa bàn; 254 ca nhập cảnh; 213 ca mắc tại các bệnh viện trước ngày 30/9/2021.

⁵ Giai đoạn thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP đến nay (11/10/2021 - 18h0 ngày 24/01/2022) Hà Nội ghi nhận 110,6 nghìn ca mắc (trung bình 1.043 ca/ngày), trong đó: 110,5 nghìn ca tại địa bàn; 98 ca nhập cảnh.

Thành phố tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho người dân Thủ đô. Tính đến 18h ngày 24/01/2022, các quận, huyện, thị xã đã tiêm được hơn 14,4 triệu liều vắc xin phòng Covid-19, trong đó: Người từ 18 tuổi trở lên đã tiêm mũi 1 tiêm hơn 5,4 triệu liều, đạt 99,7% dân số 18 tuổi trở lên; 5,3 triệu liều mũi 2 (đạt 99,5%); hơn 2,3 triệu liều mũi bổ sung, nhắc lại (chiếm 42,5%). Trẻ em từ 12 đến 17 tuổi đã tiêm mũi 1 hơn 682,6 nghìn liều, đạt 99,7% số trẻ trong độ tuổi; hơn 648 nghìn liều mũi 2 (đạt 98,9%). Tại các bệnh viện Trung ương đã tiêm được 1,4 triệu liều vắc xin, trong đó 825,1 nghìn liều mũi 1; 576,6 nghìn liều mũi 2; 17,6 nghìn liều mũi bổ sung, nhắc lại. Hiện nay, Thành phố đang tập trung tiêm bổ sung và tiêm nhắc lại mũi 3 cho các đối tượng trên địa bàn, đồng thời sẵn sàng chuẩn bị các điều kiện tốt nhất để tiêm phòng cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi.

7.4. Trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Trong tháng Một, Công an thành phố Hà Nội đã tổ chức triển khai và ra quân đợt cao điểm để chủ động phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm, giữ gìn trật tự xã hội, bảo đảm an ninh, phục vụ nhân dân vui Xuân, đón Tết Nguyên đán an toàn, lành mạnh, tiết kiệm.

Theo số liệu tổng hợp từ Công an thành phố Hà Nội, tình hình trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ tháng Một (từ 15/12/2021 đến 14/01/2022) trên địa bàn Hà Nội như sau:

Phạm pháp hình sự: Trong tháng đã phát hiện 258 vụ phạm pháp hình sự, trong đó có 222 vụ do công an khám phá được; số đối tượng vi phạm bị bắt giữ theo luật là 421 đối tượng. Phát hiện, bắt giữ 605 vụ tội phạm vi phạm pháp luật kinh tế với 648 đối tượng phạm pháp, thu nộp ngân sách 71,7 tỷ đồng.

Tội nạn xã hội: Trong tháng đã phát hiện 114 vụ cờ bạc, bắt giữ 473 đối. Tổng số vụ tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy bị phát hiện trong tháng là 651 vụ, bắt giữ 816 đối tượng. Trong đó, xử lý hình sự 619 vụ với 735 đối tượng.

Tai nạn giao thông: Trong tháng, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 73 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 39 người chết và bị thương 36 người. Trong các vụ tai nạn giao thông có 2 vụ rất nghiêm trọng làm 4 người chết; 37 vụ nghiêm trọng làm chết 35 người và bị thương 7 người; số vụ tai nạn ít nghiêm trọng và va chạm có 34 vụ làm 29 người bị thương.

Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ: Trong tháng, phát hiện 1.364 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường với 1.389 đối tượng; số vụ vi phạm về bảo vệ môi trường bị xử lý là 1.229 vụ với 1.242 đối tượng; thu nộp ngân sách trên 3,8 tỷ đồng. Cũng trong tháng Một, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 52

vụ cháy làm 4 người chết và 3 người bị thương, trong đó, có 2 vụ cháy nghiêm trọng, 1 vụ cháy lớn, 16 vụ cháy trung bình, 33 vụ cháy nhỏ. Thiệt hại về tài sản ước tính giá trị ban đầu trên 1,6 tỷ đồng, các cơ quan chức năng đang tiếp tục xác định thiệt hại về tài sản do các vụ cháy gây ra./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Quận ủy, Huyện ủy, Thị ủy;
- UBND Quận, huyện, thị xã;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Đậu Ngọc Hùng

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 01 tháng năm 2022

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 01 năm 2022	tháng 01/2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)
1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	102.2
2. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Tỷ đồng	3374	105.7
3. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	296200	108.2
4. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	57880	108.6
5. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	1563	132.6
6. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	3498	129.4
7. Doanh thu hoạt động ngành vận tải	Tỷ đồng	12594	104.9
8. Khách du lịch đến Hà Nội (<i>do cơ sở lưu trú phục vụ</i>)	Nghìn lượt người	143	97.4
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>Nghìn lượt người</i>	<i>17</i>	<i>77.5</i>
10. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	102.7
11. Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	45872	111.3

2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 01 năm 2022

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
TRỒNG TRỌT			
<i>Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)</i>			
Ngô	6173	6586	106.7
Khoai lang	1162	1106	95.2
Đậu tương	1182	825	69.8
Lạc	225	300	133.3
Rau các loại	13806	14298	103.6
Đậu các loại	101	87	86.1
CHĂN NUÔI			
<i>Đầu con (1000 con)</i>			
Trâu	26.2	27.5	105.0
Bò	130.4	130.5	100.1
Lợn	1260	1375	109.1
Gia cầm	39042	39800	101.9
<i>Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Tấn)</i>			
Trâu	148	158	106.8
Bò	880	883	100.3
Lợn	17650	19500	110.5
Gia cầm	13300	13800	103.8

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	%		
	Tháng 12 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 01 năm 2022 so với tháng trước	Tháng 01 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	105.2	91.7	102.2
Khai khoáng	59.9	71.9	91.7
Khai khoáng khác	59.9	71.9	91.7
Công nghiệp chế biến, chế tạo	106.0	90.9	101.8
Sản xuất chế biến thực phẩm	87.8	95.9	90.4
Sản xuất đồ uống	92.0	82.0	89.3
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	104.6	97.9	100.9
Dệt	137.9	89.7	119.5
Sản xuất trang phục	95.7	116.0	105.7
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	56.2	91.6	65.5
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	107.4	99.2	118.7
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	152.6	81.7	153.1
In, sao chụp bản ghi các loại	63.0	82.2	59.0
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	108.2	84.1	89.1
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	86.7	86.7	70.1
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	93.2	66.7	99.2
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	103.6	94.0	104.3
Sản xuất kim loại	73.7	93.2	72.5
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	151.9	84.5	134.9
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	77.0	99.2	80.1
Sản xuất thiết bị điện	111.0	93.4	102.9
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	106.9	94.6	102.6
Sản xuất xe có động cơ	100.3	103.1	101.2
Sản xuất phương tiện vận tải khác	146.5	88.8	108.0
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	117.4	89.1	114.8
Công nghiệp chế biến chế tạo khác	98.3	98.2	120.1
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	169.3	62.9	86.3

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp (Tiếp)

	%		
	Tháng 12 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 01 năm 2022 so với tháng trước	Tháng 01 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	94.4	101.2	104.5
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	94.4	101.2	104.5
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	108.5	98.3	108.6
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	101.9	97.4	103.3
Thoát nước và xử lý nước thải	99.6	102.1	103.6
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	119.3	97.6	116.0

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 12 năm 2021	Ước tính tháng 01 năm 2022	Tháng 1/2022 so với tháng 12 năm 2021 (%)	Tháng 1/2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)
Đá xây dựng	1000 M3	356	256	71.9	91.7
Sữa và kem chưa cô đặc	1000 Lít	9019	8446	93.6	111.1
Sữa và kem dạng bột	Tấn	92	82	89.6	106.0
Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	4053	3796	93.7	82.0
Bia các loại	1000 Lít	34324	27985	81.5	88.8
Thuốc lá có đầu lọc	Triệu bao	160	157	97.9	100.9
Quần áo người lớn	1000 Cái	2360	2038	86.3	97.3
Áo sơ mi cho người lớn dệt kim	1000 Cái	3000	3901	130.0	111.9
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim	1000 Cái	6394	6629	103.7	97.2
Giày, dép	1000 Đôi	940	880	93.6	73.9
Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	7551	6712	88.9	81.2
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 Chiếc	5003	3781	75.6	76.4
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 Chiếc	85435	74204	86.9	245.4
Giấy và bìa nhãn	Tấn	12714	10718	84.3	108.7
Bảng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh	Tấn	7888	5604	71.0	94.9
Phân bón các loại	Tấn	14200	26316	185.3	120.2
Thuốc trừ sâu	Tấn	898	786	87.5	69.9
Thuốc kháng sinh dạng viên	Triệu viên	31298	33039	105.6	69.5
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	Kg	8145	7415	91.0	77.3
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Tấn	295	250	84.7	78.3
Dung dịch đậm huyết thanh	1000 Lít	677	469	69.3	52.5
Cửa bằng plasctic	Tấn	8538	2896	33.9	166.8
Sản phẩm bằng plastic còn lại	Tấn	2341	2094	89.5	84.1
SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	321	330	102.8	97.3
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	1000 M ³	240	219	91.5	76.5
Thép không gỉ các loại	Tấn	919	858	93.4	78.1
Ống không nối, mặt cắt tròn bằng thép	Tấn	6456	5800	89.8	78.8
Cửa bằng sắt, thép	1000 M2	119	101	84.8	149.5

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu (Tiếp)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 12 năm 2021	Ước tính tháng 01 năm 2022	Tháng 1/2022 so với tháng 12 năm 2021 (%)	Tháng 1/2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)
Máy copy - in	1000 Cái	636	558	87.7	129.8
Trạm (thiết bị) thu phát gốc	1000 Cái	30	33	108.8	37.0
Máy biến thế điện các loại	Chiếc	637	592	92.9	105.9
Bộ phận thiết bị và điều khiển điện	Tấn	87	52.4	59.9	89.1
Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	1000 Cái	58	53	90.9	98.9
Quạt công suất không quá 125W	1000 Cái	140	155	110.3	72.3
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	433	490	113.3	112.2
Thiết bị khác dùng cho động cơ	1000 Cái	2836	3144	110.8	109.1
Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	38781	37675	97.1	82.7
Bộ phận của tua bin phản lực và tua bin cánh quạt	cái	7421	5367	72.3	453.3
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	Chiếc	65709	53822	81.9	99.1
Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	27715	26728	96.4	99.3
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	1000 Chiếc	91	81	89.7	114.3
Bàn bằng gỗ các loại	1000 Chiếc	479	510	106.5	98.0
Ghế có khung bằng kim loại	1000 Chiếc	278	143	51.4	109.7
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	2138	2164	101.2	104.5
Nước uống	1000 M ³	19017	18438	97.0	102.6

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

	<i>Tỷ đồng; %</i>				
	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện tháng 12 năm 2021	Ước tính tháng 01 năm 2022	Tháng 1/2022 so với tháng 12 năm 2021	Tháng 1/2022 so với cùng kỳ năm 2021
TỔNG SỐ	50409	6189	3374	54.5	105.7
Vốn ngân sách Nhà nước cấp Thành phố	21634	1817	1529	84.1	89.0
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	15651	1666	1252	75.2	111.7
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>9096</i>	<i>1067</i>	<i>658</i>	<i>61.7</i>	<i>106.9</i>
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	395	93	20	21.8	122.4
Vốn nước ngoài (ODA)	5158	6	230	3830.4	41.2
Xổ số kiến thiết	430	52	27	51.1	113.6
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	27178	4065	1696	41.7	132.0
Vốn cân đối ngân sách huyện	20219	3477	1336	38.4	120.5
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>12060</i>	<i>1820</i>	<i>544</i>	<i>29.9</i>	<i>97.4</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	6959	588	360	61.2	204.2
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	1597	307	149	48.5	79.6
Vốn cân đối ngân sách xã	1348	286	135	47.0	77.7
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>967</i>	<i>250</i>	<i>104</i>	<i>41.8</i>	<i>95.8</i>
Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	249	21	14	69.0	103.0

6. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội

	<i>Tỷ đồng; %</i>			
	Thực hiện	Ước tính	Tháng 1/2022	Tháng 1/2022
	tháng 12	tháng 01	so với	so với
	năm	năm	tháng 12	cùng kỳ
	2021	2022	năm 2021	năm 2021
Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	279276	296200	106.1	108.2
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>				
Nhà nước	27877	28800	103.3	95.1
Ngoài Nhà nước	235880	251500	106.6	111.3
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	15519	15900	102.5	91.0
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
Thương nghiệp	227221	241950	106.5	109.2
Khách sạn, nhà hàng	5077	5170	101.8	102.6
Du lịch lữ hành	421	430	102.2	92.8
Dịch vụ	46557	48650	104.5	104.3
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	53881	57880	107.4	108.6
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>				
Nhà nước	7513	7800	103.8	92.8
Ngoài Nhà nước	43738	47400	108.4	112.6
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	2630	2680	101.9	96.5
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
Thương nghiệp	36436	39500	108.4	113.2
Khách sạn, nhà hàng	5077	5170	101.8	102.6
Du lịch lữ hành	421	430	102.2	92.8
Dịch vụ	11948	12780	107.0	99.2
<i>Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)</i>				
Nhà nước	13.9	13.5	-	-
Ngoài Nhà nước	81.2	81.9	-	-
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4.9	4.6	-	-

7. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

	Tỷ đồng; %			
	Thực hiện	Ước tính	Tháng 1/2022	Tháng 1/2022
	tháng 12	tháng 01	so với	so với
	năm	năm	tháng 12	cùng kỳ
	2021	2022	năm 2021	năm 2021
TỔNG SỐ	36436	39500	108.4	113.2
Lương thực, thực phẩm	9143	10050	109.9	120.2
Hàng may mặc	2228	2360	105.9	93.1
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	4825	5083	105.3	113.3
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	577	615	106.7	104.1
Gỗ và vật liệu xây dựng	806	836	103.7	112.9
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	3656	3870	105.9	101.8
Phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng)	990	1015	102.5	98.6
<i>Trong đó: xe đạp và phụ tùng xe đạp</i>	<i>81</i>	<i>82</i>	<i>101.0</i>	<i>88.6</i>
Xăng, dầu các loại	5853	6575	112.3	128.3
Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)	435	465	106.8	129.2
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	974	995	102.2	145.6
Hàng hóa khác	5992	6645	110.9	104.9
Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	957	991	103.5	117.1

**8. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành
và dịch vụ tiêu dùng khác**

	Tỷ đồng; %			
	Thực hiện	Ước tính	Tháng 1/2022	Tháng 1/2022
	tháng 12	tháng 01	so với	so với
	năm	năm	tháng 12	cùng kỳ
	2021	2022	năm 2021	năm 2021
TỔNG SỐ	17446	18380	105.4	99.9
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	5077	5170	101.8	102.6
Dịch vụ lưu trú	360	366	101.7	96.3
Dịch vụ ăn uống	4717	4804	101.9	103.2
Du lịch lữ hành	421	430	102.2	92.8
Dịch vụ tiêu dùng khác	11948	12780	107.0	99.2

9. Kim ngạch xuất khẩu

	<i>Triệu USD; %</i>			
	Thực hiện tháng 12 năm 2021	Ước tính tháng 01 năm 2022	Tháng 1/2022 so với tháng 12 năm 2021	Tháng 1/2022 so với cùng kỳ năm 2021
TỔNG SỐ	1621	1563	96.4	132.6
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Khu vực kinh tế trong nước	887	866	97.6	149.7
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	734	697	95.1	116.2
<i>Phân theo nhóm hàng</i>				
Hàng nông sản	78	77	98.7	199.6
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>21</i>	<i>19</i>	<i>92.2</i>	<i>400.3</i>
+ Cà phê	22	20	93.1	125.0
Hàng may, dệt	247	237	95.9	154.1
Giày dép các loại và SP từ da	36	35	97.5	94.2
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	302	254	84.1	121.6
Hàng gốm sứ	23	23	98.1	121.2
Xăng dầu	75	73	97.6	203.1
Máy móc thiết bị phụ tùng	188	185	98.7	108.5
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	36	35	98.1	99.6
Phương tiện vận tải và phụ tùng	169	166	98.2	164.7
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	77	75	98.0	130.4
Điện thoại và linh kiện	8	8	99.1	18.6
Hàng hoá khác	382	395	103.3	142.2

10. Kim ngạch nhập khẩu

	<i>Triệu USD; %</i>			
	Thực hiện	Ước tính	Tháng 1/2022	Tháng 1/2022
	tháng 12	tháng 01	so với	so với
	năm	năm	tháng 12	cùng kỳ
	2021	2022	năm 2021	năm 2021
TỔNG SỐ	3513	3498	99.6	129.4
Phân theo khu vực kinh tế				
Khu vực kinh tế trong nước	2753	2842	103.2	136.8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	760	656	86.4	104.9
Phân theo nhóm hàng				
Máy móc thiết bị, phụ tùng	601	599	99.5	125.3
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	323	312	96.7	140.9
Phương tiện vận tải và phụ tùng	319	315	98.8	162.9
Hàng điện gia dụng và linh kiện	57	55	97.9	82.0
Xăng dầu	230	224	97.0	99.0
Sắt thép	164	160	97.6	149.5
Chất dẻo	123	122	98.7	109.6
Thức ăn gia súc	74	72	98.2	100.2
Vải	101	100	99.0	148.2
Kim loại khác	95	92	97.4	129.3
Ngô	71	70	98.3	91.6
Sản phẩm chất dẻo	74	73	98.8	115.1
Sản phẩm hóa chất	132	132	99.3	199.6
Hàng hóa khác	1149	1172	102.1	132.9

**11. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ
tháng 01 năm 2022**

	Tháng 01 năm 2022 so với				%
	Kỳ gốc (2019)	Tháng 01 năm 2021	Tháng 12 năm 2021	Tháng 12 năm 2021	Bình quân 01 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	105.92	102.71	100.10	100.10	102.71
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110.12	100.56	99.76	99.76	100.56
<i>Trong đó: Lương thực</i>	<i>107.71</i>	<i>102.50</i>	<i>100.25</i>	<i>100.25</i>	<i>102.50</i>
<i>Thực phẩm</i>	<i>110.56</i>	<i>100.46</i>	<i>99.58</i>	<i>99.58</i>	<i>100.46</i>
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	<i>109.94</i>	<i>100.13</i>	<i>100.06</i>	<i>100.06</i>	<i>100.13</i>
Đồ uống và thuốc lá	105.68	102.50	100.68	100.68	102.50
May mặc, mũ nón và giày dép	101.73	100.64	100.09	100.09	100.64
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	107.44	107.27	100.14	100.14	107.27
Thiết bị và đồ dùng gia đình	101.91	100.56	100.07	100.07	100.56
Thuốc và dịch vụ y tế	102.72	100.28	100.02	100.02	100.28
<i>Trong đó: Dịch vụ khám sức khỏe</i>	<i>102.32</i>	<i>100.00</i>	<i>100.00</i>	<i>100.00</i>	<i>100.00</i>
Giao thông	106.20	113.44	101.01	101.01	113.44
Bưu chính viễn thông	98.37	99.57	100.00	100.00	99.57
Giáo dục	103.29	96.60	100.00	100.00	96.60
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	<i>103.15</i>	<i>96.15</i>	<i>100.00</i>	<i>100.00</i>	<i>96.15</i>
Văn hoá, giải trí và du lịch	95.60	99.15	100.37	100.37	99.15
Hàng hóa và dịch vụ khác	107.65	100.98	100.10	100.10	100.98
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	131.94	95.70	100.99	100.99	95.70
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	98.66	98.81	99.74	99.74	98.81

12. Vận tải hành khách và hàng hoá

	Thực hiện tháng 12 năm 2021	Ước tính tháng 01 năm 2022	Tháng 1/2022 so với tháng 12 năm 2021	Tháng 1/2022 so với cùng kỳ năm 2021
HÀNH KHÁCH				
Vận chuyển (Nghìn HK)	12276	12904	105.1	58.9
Đường bộ	12206	12833	105.1	58.8
Đường thủy	70	71	101.0	87.4
Luân chuyển (Triệu HK.km)	530	557	105.0	57.9
Đường bộ	529	556	105.0	57.9
Đường thủy	1	1	101.7	89.7
HÀNG HÓA				
Vận chuyển (Nghìn tấn)	90573	91232	100.7	121.1
Đường bộ	86511	87134	100.7	121.5
Đường thủy	3963	3997	100.9	114.5
Đường sắt	99	101	102.0	68.2
Luân chuyển (Triệu tấn.km)	8832	8929	101.1	117.0
Đường bộ	2654	2687	101.2	122.1
Đường thủy	6171	6235	101.0	115.0
Đường sắt	7	7	102.7	68.7

13. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	<i>Tỷ đồng; %</i>			
	Thực hiện	Ước tính	Tháng 1/2022	Tháng 1/2022
	tháng 12	tháng 01	so với	so với
	năm	năm	tháng 12	cùng kỳ
	2021	2022	năm 2021	năm 2021
TỔNG SỐ	12100	12594	104.1	104.9
<i>Vận chuyển hành khách</i>	822	868	105.6	58.1
Đường bộ	815	861	105.7	57.9
Đường thủy	7	7	101.1	88.6
<i>Vận tải hàng hóa</i>	5216	5304	101.7	116.8
Đường bộ	3188	3218	100.9	121.7
Đường thủy	2020	2078	102.9	110.2
Đường sắt	8	8	102.8	68.5
<i>Dịch vụ hỗ trợ vận tải</i>	5386	5702	105.9	107.5
<i>Bưu chính chuyển phát</i>	676	720	106.5	108.1

14. Khách du lịch

	1000 lượt khách; %			
	Thực hiện	Ước tính	Tháng 1/2022	Tháng 1/2022
	tháng 12	tháng 01	so với	so với
	năm	năm	tháng 12	cùng kỳ
	2021	2022	năm 2021	năm 2021
Khách du lịch (do cơ sở lưu trú phục vụ)				
Khách đến Hà Nội	138	143	103.4	97.4
a. Khách trong nước	122	126	103.2	100.9
<i>Chia ra</i>				
- Khách trong ngày	58	60	102.9	101.2
- Khách ngủ qua đêm	64	66	103.4	100.6
b. Khách quốc tế	16	17	105.1	77.5
Khách do cơ sở lữ hành phục vụ	37	38	102.2	101.3
- Khách quốc tế	8	9	103.6	101.2
- Khách trong nước	29	29	101.8	101.4

15. Thu, chi ngân sách nhà nước

	Tỷ đồng; %		
	Ước tính	01 tháng	01 tháng
	01 tháng	năm 2022	năm 2022
	năm	so với	so với cùng kỳ
	2022	dự toán	năm trước
TỔNG THU NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	45872	14.7	111.3
<i>Trong đó:</i>			
1. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	3041	13.9	170.2
2. Thu nội địa không kể dầu thô	42831	14.8	109.0
<i>Trong đó:</i>			
- Khu vực kinh tế Nhà nước	5472	9.5	62.9
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	3571	15.6	72.5
- Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	14191	25.9	141.0
- Thuế thu nhập cá nhân	3500	12.2	104.1
- Thu lệ phí trước bạ	800	12.3	113.6
- Thu phí và lệ phí	2030	11.9	115.5
- Thu tiền sử dụng đất	1250	6.3	44.9
CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5264	4.9	113.1
1. Chi đầu tư phát triển	750	1.5	90.2
2 . Chi thường xuyên	4345	8.2	113.6

16. Tín dụng ngân hàng

	<i>Nghìn tỷ đồng; %</i>			
	Thực hiện đến tháng 12 năm 2021	Ước tính đến tháng 01 năm 2022	Tháng 01/2022 so với cùng kỳ	Tháng 01/2022 so với tháng 12/2021
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG	4251	4290	111.0	100.9
Tiền gửi	3869	3902	111.2	100.9
Tiền gửi tiết kiệm	1539	1552	108.1	100.8
Tiền gửi thanh toán	2330	2350	113.4	100.9
Phát hành giấy tờ có giá	382	388	108.6	101.4
<i>Trong đó: Đồng Việt Nam</i>	<i>382</i>	<i>388</i>	<i>108.7</i>	<i>101.4</i>
TỔNG DƯ NỢ	2482	2506	113.3	101.0
<i>Phân theo kì hạn</i>				
Dư nợ ngắn hạn	1010	1022	115.1	101.1
Dư nợ trung và dài hạn	1472	1484	112.1	100.9
<i>Phân theo nội ngoại tệ</i>				
Dư nợ VND	2223	2247	114.7	101.1
Dư nợ bằng ngoại tệ	259	259	102.2	100.2

17. Tai nạn giao thông

	Đơn vị tính	tháng 01 năm 2022
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	73
Đường bộ	"	73
Đường sắt	"	-
Đường thủy nội địa	"	-
Số người chết	Người	39
Đường bộ	"	39
Đường sắt	"	-
Đường thủy nội địa	"	-
Số người bị thương	Người	36
Đường bộ	"	36
Đường sắt	"	-
Đường thủy nội địa	"	-
Số vụ cháy	Vụ	52
Số người chết	Người	4
Số người bị thương	Người	3
Giá trị thiệt hại về tài sản	Triệu đồng	1611